Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 15.01.2021 14:32:15 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 04 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh 5 năm 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VPCP;
- Bộ KHĐT;
- TT.Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VPTU và các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; các phòng, ban, trung tâm thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.VP tỉnh.

(BH)
20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025 TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh)

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Tình hình thế giới và trong nước

Tình hình thế giới và khu vực sẽ còn diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt trong quan hệ giữa các nước lớn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng còn gặp nhiều thách thức, nhất là các nước nhỏ đang phát triển. Những vấn đề toàn cầu, như: bảo vệ hòa bình, an ninh xã hội, an ninh con người, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Trong nước, chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, chính trị - xã hội ổn định, các địa phương tập trung cải cách thủ tục hành chính, đầu tư hạ tầng và có nhiều chính sách thu hút đầu tư. Quan hệ đối ngoại được củng cố và mở rộng. Tuy nhiên, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước; tình hình Biển Đông tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường, dịch bệnh làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

2. Tình hình trong tỉnh

Việc thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực sẽ phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, cơ cấu lao động dịch chuyển mạnh hơn sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Các giải pháp tạo đột phá cho sự phát triển của tỉnh sẽ đem lại hiệu quả trong giai đoạn này, sự gia tăng số lượng và chất lượng doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tỉnh ta tiếp tục phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: dịch bệnh trên người, trên cây trồng, vật nuôi còn diễn biến phức tạp; quy mô kinh tế, năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa cao; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cải cách hành chính chưa theo kịp sự phát triển; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nhất là an ninh biên giới.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững dựa trên những động lực mới. Thực hiện hiệu quả các đột phá, trong đó tập trung phát triển hạ tầng giao thông kết nối liên Vùng, gắn với hình thành hành lang đô thị - công nghiệp. Tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, hiệu quả; khuyến khích mạnh mẽ phát triển doanh nghiệp, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu ngân sách; cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao thu nhập của người dân. Phấn đấu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế và GRDP bình quân đầu người cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước. Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường đối ngoại để giữ vững hòa bình, hợp tác và phát triển.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh tăng bình quân từ 7,5% trở lên;

Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người từ 4.500 USD trở lên *(chỉ tiêu sẽ được xem xét điều chỉnh khi cập nhật kết quả đánh giá lại quy mô nền kinh tế)*;

Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025: công nghiệp - xây dựng 51 - 52%; dịch vụ 32 - 33%; nông - lâm - thuỷ sản 14 - 15%;

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn từ 36% trở lên so với GRDP;

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15,5% trở lên;

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân từ 10% trở lên;

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân từ 10% trở lên, phấn đấu đến năm 2025, tự cân đối chi thường xuyên;

Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân trên 8%;

Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa từ 50% trở lên.

b) Về xã hội

Số lao động có việc làm tăng thêm trên 16.000 lao động/năm.

Đến năm 2025:

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề 75%;

Tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn 1,65%, nông thôn 1,35%;

Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%;

Phấn đấu đạt từ 10 bác sĩ/01 vạn dân và 30 giường bệnh/01 vạn dân;

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) dưới 19%;

Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 100%; trong đó, có 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 50% huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

c) Về môi trường

Đến năm 2025:

Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, số hộ sử dụng nước sạch tăng 10% so với đầu kỳ.

Tỷ lệ che phủ rừng *(đã loại trừ cây cao su)* từ 16,4% trở lên;

Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng ngành, lĩnh vực

1.1. Cơ cấu lại ngành công nghiệp, tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, đất đai và lao động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp hiện có; thành lập mới, mở rộng thêm một số khu, cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện. Điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát với tầm nhìn mới theo hướng đột phá – quy mô lớn, tạo lợi thế cạnh tranh để thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư lớn có công nghệ tiên tiến, thị trường ổn định. Đa dạng hóa thu hút đầu tư nước ngoài, quan tâm lựa chọn nhà đầu tư uy tín, có khả năng liên kết và chuyển giao với doanh nghiệp trong nước, nhằm khai thác một cách hiệu quả các nguồn lực tại địa phương.

Xây dựng tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ, tập trung vào các khâu còn yếu của chuỗi giá trị hoặc công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm của ngành.

Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực như: chế biến tinh chế sản phẩm nông nghiệp theo định hướng sản xuất nông nghiệp mới, cơ khí chế tạo, chế tác, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị y tế, trang trí nội thất và lương thực, thực phẩm.

Tiếp tục khai thác tiềm năng điện mặt trời đi đôi với phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện; giám sát, đôn đốc việc xây dựng kết cấu hạ tầng điện theo quy hoạch, đảm bảo đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng.

Song song với thu hút đầu tư, cần rà soát và giải quyết triệt để các trường hợp chiếm dụng đất đai, đầu cơ kéo dài. Xây dựng và thực hiện Chiến lược tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của Việt Nam.

1.2. Phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ

Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hoá có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng. Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường xuất khẩu các mặt hàng, sản phẩm tinh chế. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước; thông tin, quảng bá thương hiệu, sản phẩm của tỉnh thông qua hoạt động Cổng thương mại điện tử.

Duy trì và mở rộng mạng lưới cơ sở bán buôn, bán lẻ. Đầu tư xây dựng nâng cấp các bến bãi, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật các cửa khẩu; nâng cấp mở rộng một số tuyến đường đến các cửa khẩu, đường tiểu ngạch nhằm thúc đẩy giao thương, trao đổi hàng hóa qua biên giới.

Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa, kết hợp vận tải đa phương thức. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt. Phấn đấu đến năm 2025, mạng lưới xe buýt của tỉnh mở rộng đến trung tâm các huyện, thị xã và một số khu vực đông dân cư trên địa bàn.

Nâng cấp hạ tầng viễn thông, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, hướng đến chuyển đổi số toàn diện; dịch vụ viễn thông tham gia vào mọi mặt của đời sống xã hội. Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền số gắn với xây dựng Đô thị thông minh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tây Ninh phiên bản 2.0. Hoàn thành việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 60%; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

1.3. Xác định du lịch là một trong những trọng tâm đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Rà soát Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 để cập nhật vào quy hoạch tỉnh theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực làm động lực phát triển du lịch.

Chủ động mời gọi các nhà đầu tư có năng lực thực hiện đầu tư các khu, điểm du lịch theo quy hoạch. Khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các dịch vụ du lịch đủ tiêu chuẩn phục vụ du khách; nhất là các dịch vụ du lịch chất lượng cao, dịch vụ mua sắm, ăn uống gắn với sản phẩm đặc sản của tỉnh. Thúc đẩy triển khai các dự án đầu tư Khu du lịch núi Bà Đen đúng quy hoạch và tiến độ, đến năm 2025, Khu du lịch núi Bà Đen đạt tiêu chuẩn khu du lịch cấp quốc gia.

Phát triển và kết nối đồng bộ các sản phẩm du lịch ở Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, Hồ Dầu Tiếng, Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Vườn quốc gia Lò Gò Xa mát trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, mang đậm nét đặc trưng riêng có của địa phương. Xây dựng phát triển thành phố Tây Ninh thành đô thị du lịch xanh, là trung tâm vui chơi, giải trí, mua sắm quy mô, chất lượng, đáp ứng các nhu cầu của du khách.

Xây dựng chương trình quảng bá, giới thiệu du lịch chuyên nghiệp, hiệu quả; khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch chung của tỉnh và riêng cho doanh nghiệp. Hỗ trợ và tạo điều cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và dịch vụ du lịch.

1.4. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu và giống cây trồng, cơ cấu lại vùng sản xuất và diện tích sản xuất cây trồng, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng (đất đai, nguồn nước, ...), đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu chế biến nông sản. Phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ).

Phát triển chăn nuôi theo phương thức bán công nghiệp và công nghiệp, áp dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xây dựng nhà máy chế biến tại địa phương nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Phát huy hiệu quả kinh tế đối với rừng sản xuất, kết hợp phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng ở những nơi có điều kiện.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực có lợi thế như chế biến rau, quả, nhà máy giết mổ gia súc, chế biến thịt, sữa, thủy sản, gỗ. Sắp xếp quỹ đất của các công ty nông nghiệp, tạo quỹ đất sạch thu hút các dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với liên kết sản xuất nông dân địa phương. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hợp tác xã kiểu mới và chuỗi giá trị nông sản.

Thực hiện đồng bộ giữa đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu về kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn (nhất là vùng sâu, vùng biên giới). Lựa chọn, triển khai, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Kết nối hệ thống cấp nước sinh hoạt theo quy mô liên ấp, liên xã; nâng cao chất lượng cung cấp, phục vụ cấp nước, đáp ứng yêu cầu của Nhân dân.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch theo hướng "động, mở", linh hoạt, làm cơ sở để thu hút đầu tư

Tập trung xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đạt chất lượng và có tính khả thi cao, bảo đảm tính kết nối, liên thông với quy hoạch Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Quy hoạch tỉnh được xây dựng làm cơ sở, tiền đề để các huyện, thị xã, thành phố xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ các quy hoạch trên địa bàn.

Tập trung công tác lập mới, rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng; sắp xếp, phân bố không gian phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với sự phát triển hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở tích hợp đồng bộ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đạt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 trên 50%. Phủ kín 100% quy hoạch xây dựng nông thôn, hướng tới đô thị hóa các điểm dân cư nông thôn làm tiền đề hình thành và phát triển các nông thị trong tương lai.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện bảo đảm tư duy, tầm nhìn, định hướng phát triển, thể hiện tính linh hoạt về cơ cấu sử dụng đất, đưa đất đai trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Tháo gỡ, giải quyết tốt những bất cập trong công tác quy hoạch; khắc phục về cơ bản quy hoạch thiếu tính khả thi, làm cơ sở thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Tiếp tục triển khai các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng kế hoạch rà soát, xử lý các quy hoạch không có tính khả thi, không còn phù hợp.

3. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đã giao, cho thuê đối với các dự án đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, sử dụng khai thác, thống kê, theo dõi biến động đất đai toàn tỉnh trên môi trường mạng để tạo thuận lợi trong quản lý, tránh lãng phí tài nguyên đất đai.

Tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác tài nguyên; đấu tranh ngăn chặn mọi hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang kinh tế xanh. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm.

Huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình thu gom và xử lý nước thải tập trung ở các thị trấn đông dân cư, khu kinh tế và các cụm công nghiệp đang hoạt động. Thực hiện Đề án chống ngập Thành phố Tây Ninh và Thị xã Hòa Thành. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm xả chất thải nguy hại từ công nghiệp và y tế ra môi trường. Khắc phục tình trạng lục bình gây nghẽn dòng chảy, tăng cường kiểm tra, giám

sát các nguồn xả thải ra sông rạch, hạn chế ô nhiễm nước sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn.

Tăng cường công tác quản lý nguồn nước mặt, đánh giá mức độ an toàn đập, hồ chứa nước, công trình phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

4. Tiếp tục cải cách hành chính gắn với cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch, cạnh tranh; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

Đẩy mạnh cải cách hành chính mà trọng tâm là tạo bước đột phá về xây dựng chính quyền điện tử theo hướng hiện đại và hiệu quả. Hoàn thành mô hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tập trung, hiện đại tại Bộ phận Một cửa 3 cấp; nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo phương thức phù hợp; xây dựng hoàn thiện Trung tâm phục vụ Hành chính công và Trung tâm giám sát điều hành KTXH tập trung của tỉnh.

Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, duy trì và nâng bậc PCI lên nhóm tốt.

Cải thiện mạnh mẽ các chỉ số phản ánh nền hành chính của tỉnh, cung cấp dịch vụ công ở mức độ 4. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm và xử lý về trách nhiệm trong hoạt động quản lý và cải cách hành chính.

Tiếp tục thực hiện tốt hơn nhiệm vụ Chính phủ đặt ra tại Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP về cải thiện môi trường môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đường dây nóng tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp, có sự giải đáp nhanh chóng, kỹ càng thắc mắc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo niềm tin cho doanh nghiệp. Thực hiện các nỗ lực cắt giảm chi phí, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hiệu quả.

Minh bạch, công bằng trong tiếp cận các chính sách, đặc biệt là chính sách thuế và ưu đãi về đất đai đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

Đổi mới nội dung và cách thức tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội du lịch, Liên minh hợp tác xã tỉnh, Hội doanh nhân trẻ trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, khắc phục các chồng chéo chức năng, nhiệm vụ khi có hướng dẫn thống nhất của Trung ương. Thực hiện hiệu quả chính sách tinh giản biên chế. Tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương công vụ, gắn với kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức. Ban hành Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) giai đoạn 2021 – 2025.

5. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán. Quản lý, kiểm tra, giám sát nguồn thu; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước.

Có cơ chế nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, trong đó chú trọng các nguồn thu mang tính bền vững như nguồn thu từ khu vực sản xuất kinh doanh. Chủ động khai thác các khoản thu từ đất và có phương án sử dụng, đầu tư hiệu quả. Thường xuyên rà soát các trụ sở nhà, đất công trên địa bàn, xây dựng phương án sắp xếp, sử dụng hợp lý, hiệu quả.

Điều hành hiệu quả việc cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ vay theo hướng bảo đảm an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế; tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công thông qua việc xây dựng, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tăng cường chấp hành pháp luật, cơ chế chính sách, nâng cao trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát trong đầu tư công.

Huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội. Ưu tiên phát triển các công trình giao thông trọng điểm, kết nối với hệ thống giao thông quốc gia và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó trọng điểm là đẩy nhanh việc khởi công tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài đồng thời với phát triển hành lang kinh tế đô thị, công nghiệp. Hoàn thành dự án nâng cấp, mở rộng đường Đất Sét – Bến Củi, đường 782 – 784, dự án đường liên tuyến kết nối vùng N8 – 787B – 789; đầu tư nâng cấp, đồng bộ hóa hạ tầng, ngầm hóa hệ thống điện, viễn thông một số tuyến đường trung tâm Thành phố Tây Ninh.

Khai thác lợi thế của vận tải đường thủy trên sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông. Đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng cảng cạn ICD Mộc Bài; trung tâm Logistics và cảng tổng hợp Hưng Thuận.

Đẩy mạnh phát triển đô thị giai đoạn 2021 – 2025 với mục tiêu Thành phố Tây Ninh nâng lên đô thị loại II, Thị xã Hòa Thành, Thị xã Trảng Bàng nâng lên đô thị loại III; đô thị Gò Dầu nâng lên đô thị loại IV, huyện Bến Cầu (thị trấn Bến Cầu và khu đô thị mới Mộc Bài) hình thành đô thị loại IV; huyện Tân Biên (thị trấn Tân Biên) và huyện Tân Châu (thị trấn Tân Châu) nâng lên đô thị loại IV.

Mở rộng không gian các đô thị hiện hữu, khai thác lợi thế, tiềm năng, động lực phát triển từ các khu du lịch, khu – cụm công nghiệp, khu đầu mối giao thông, hạ tầng kỹ thuật, cảng sông và cảng cạn ICD. Thu hút nhà đầu tư có năng lực phát triển các khu đô thị mới, phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, hài hòa, bền vững.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ

Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, sinh hoạt chuyên môn; tăng cường giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Thực hiện hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Nâng cao nhận thức của nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên về các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Tạo lập môi trường học tập công bằng, toàn diện, không bạo lực cho tất cả học sinh. Xây dựng cơ chế riêng của tỉnh phát triển mạnh mẽ giáo dục mầm non. Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư công cho giáo dục – đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục – đào tạo; nâng cao tính tự chủ trong các cơ sở giáo dục. Nghiên cứu xúc tiến thành lập phân hiệu trường đại học tại tỉnh.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng thị trường lao động linh hoạt, gắn đào tạo với sử dụng lao động. Khảo sát và xây dựng hệ thống thông tin nguồn nhân lực cho toàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề đảm bảo hoạt động hiệu quả, chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các trường nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở khu vực công; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ tham mưu cấp sở, huyện. Nâng cao kỹ năng quản trị, quản lý ở mọi lĩnh vực, hướng đến tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Khơi dậy khát vọng vươn lên, tạo sự đồng hành giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền trong tư duy đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức phù hợp với đề án vị trí việc làm và mô tả công việc. Tăng cường phân cấp phân quyền gắn với phân công có hiệu quả trong thực thi công vụ; nâng cao vai trò, trách nhiệm cá nhân và tính chủ động sáng tạo trong hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu.

Rà soát điều chỉnh, cấu trúc lại các chương trình khoa học công nghệ, đặc biệt chú trọng công tác triển khai ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Tập trung các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giải quyết đồng bộ các khâu sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm có lợi thế ở địa phương. Nâng cao trình độ phát triển khoa học công nghệ của tỉnh đạt mức trung bình tiên tiến so với cả nước về các chỉ tiêu nguồn nhân lực, mức đầu tư cho nghiên cứu triển khai và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

Chủ động tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách để huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới

sáng tạo. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ cũng như hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh các hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ phát triển phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

7. Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Tiếp tục thực hiện mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ và thể chất, sống lành mạnh, coi trọng văn hóa trong kinh doanh, văn hóa ứng xử; làm cho các giá trị văn hóa tốt đẹp thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội; xây dựng gia đình văn hóa, ấp, khu phố văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh thật sự là danh hiệu thi đua thúc đẩy phong trào thi đua ở cơ sở. Xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất đi đôi với với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở.

Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý trong nhà trường; tuyển chọn và đào tạo tuyến năng khiếu, tuyển trẻ từ thể thao học đường. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khỏe của Nhân dân đồng thời làm cơ sở phát triển thể dục, thể thao thành tích cao. Đầu tư có trọng điểm các môn thể thao mũi nhọn và các môn thể thao triển vọng của tỉnh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thành tích thi đấu thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế.

Nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống người dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo mọi người dân đều được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ đào tạo và thu hút phát triển nhân lực y tế. Đổi mới mô hình tổ chức, quản lý an toàn thực phẩm, dược, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế. Làm tốt công tác dân số, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% trở lên. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa y tế theo hướng phát triển thêm Bệnh viện Đa Khoa, Bệnh viện chuyên khoa sâu, Trung tâm chủng ngừa chất lượng cao.

Hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật. Nâng cao chất lượng của hệ thống dịch vụ việc làm, các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia. Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách về bảo trợ xã hội. Tập trung giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, đặc biệt là khu vực biên giới, đồng bào dân tộc. Bảo đảm cung cấp tốt các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu về nhà ở, giáo dục, y tế, nước sạch, thông tin truyền thông. Tập trung triển khai thực hiện chính sách đối với người có công theo Pháp lệnh mới; tích cực giải quyết các trường hợp tồn

đọng chưa được hưởng chính sách. Nâng cao mức sống cho gia đình chính sách, không để phát sinh hộ nghèo thuộc đối tượng người có công. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa công tác bao vệ, chăm sóc trẻ em; hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; nâng cao trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân. Nâng cao chất lượng, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin báo chí, Internet, xuất bản. Tăng cường năng lực quản lý không gian mạng.

Thực hiện chính sách bình đẳng, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc trên nền tảng pháp lý và truyền thống đoàn kết; quan tâm nâng cao đời sống trong đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp trong cộng đồng.

8. Củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chủ động, tích cực trong công tác đối ngoại

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về công tác quốc phòng - quân sự địa phương, nhất là xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ vững chắc làm điểm cho cả nước. Chuẩn bị các nội dung diễn tập KVPT, diễn tập chiến đấu phòng thủ giai đoạn 2021 – 2024 đúng kế hoạch, thiết thực, hiệu quả. Đảm bảo an toàn thông tin mạng và bảo vệ chính trị nội bộ; kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện, bảo đảm đi vào nền nếp, hiệu quả.

Chủ động dự báo, nắm tình hình chính xác các hoạt động ở khu vực ngoại biên và nội tỉnh để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng; phòng, chống tập trung đông người phá rối an ninh trật tự và bạo loạn. Không để phát sinh khiếu kiện đông người, hình thành điểm nóng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, góp phần kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt.

Tiếp tục tuyên truyền tạo sự đồng thuận trong xã hội đối với các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, lãnh đạo các cơ quan tư pháp tại địa phương tôn trọng các quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân, dựa vào dân để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; tạo điều kiện để Nhân dân và các đoàn thể tham gia giám sát hoạt động tư pháp; bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp. Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đổi mới mạnh mẽ để nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kể cả thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, gắn với chất lượng kết luận thanh tra, đẩy mạnh công tác xử lý sau thanh tra. Các kế hoạch thanh tra đúng trọng tâm, trọng điểm sát với tình hình thực tế. Thực hiện công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và xử lý đơn thư theo quy định, phối hợp nắm tình hình không để xảy ra khiếu nại đông người, khắc phục tình trạng giải quyết quá hạn luật định, nội dung giải quyết không chặt chẽ.

Kịp thời triển khai các Luật, Bộ luật mới ban hành. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cách thức PBGDPL, đảm bảo phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng. Chú trọng công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; lấy phòng ngừa làm nhiệm vụ chính trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thường xuyên nghiên cứu, củng cố, điều chỉnh cơ chế, chính sách nhằm phòng ngừa hiệu quả, ngăn chặn nguy cơ xảy ra tham nhũng.

Tập trung giải quyết vấn đề cư trú và giấy tờ pháp lý khác cho Việt kiều di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam. Tiếp tục khảo sát, xây dựng đề án hỗ trợ đời sống cho người di cư tự do từ Campuchia trở về sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn với tăng cường công tác quản lý, tuyên truyền vận động người dân quay trở về Campuchia sinh sống.

Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác phát triển, liên kết giữa Tây Ninh với các tỉnh, thành phố trong vùng; đồng thời, duy trì, củng cố quan hệ hợp tác phát triển về mọi mặt với các tỉnh giáp biên thuộc Campuchia và một số địa phương của các quốc gia trong khu vực, nhằm tăng cường hợp tác, thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ công tác phân giới cắm mốc.

9. Thực hiện hiệu quả các chương trình đột phá: về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; về phát triển du lịch; về phát triển nguồn nhân lực gắn với cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin./.

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021-2025
I	**Chỉ tiêu về kinh tế**		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh tăng bình quân	%	7,5% trở lên
2	Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người	USD	4.500 trở lên
3	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025 *(giá hiện hành)*		
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	51 - 52
	- Dịch vụ *(chưa tính Thuế sản phẩm, khoảng 3 - 5%)*	%	32 - 33
	- Nông - lâm - thủy sản	%	14 - 15
4	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	36% trở lên
5	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân	%	15,5% trở lên
6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng bình quân	%	10% trở lên
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân	%	10% trở lên
8	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân	%	trên 8%
9	Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa	%	50% trở lên
II	**Chỉ tiêu về văn hóa - xã hội**		
10	Số lao động có việc làm tăng thêm hàng năm	Lao động	trên 16000
	Đến năm 2025:		
11	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề	%	75
12	Tỷ lệ thất nghiệp:		
	- Khu vực thành thị	%	1,65
	- Khu vực nông thôn	%	1,35
13	Tỷ lệ hộ nghèo	%	dưới 1%
14	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân		
	- Số bác sĩ	bác sĩ	10
	- Số giường bệnh viện	giường	30

STT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021-2025
15	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	Dưới 19%
16	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100
	Trong đó:		
	- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	36 xã
	- Xã nông thôn mới kiểu mẫu	xã	12 xã
	- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	Ít nhất 50% huyện trở lên
III	**Chỉ tiêu về Môi trường**		
	Đến năm 2025:		
17	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100
	Trong đó:		
	- Số hộ sử dụng nước sạch tăng so với đầu kỳ	%	10
18	Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)	%	16,4% trở lên
19	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100

PHỤ LỤC 2
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025
I	**Chỉ tiêu về kinh tế**		
1	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	ha	373.256
2	Diện tích cây lâu năm	ha	123.837
3	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu		
	- Lúa	tạ/ha	58
	- Mía	tạ/ha	792,5
	- Mì	tạ/ha	332
	- Bắp	tạ/ha	63
	- Đậu phộng	tạ/ha	37,5
4	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu		
	- Lúa	tấn	753.929
	- Mía	tấn	554.740
	- Mì	tấn	2.058.922
	- Bắp	tấn	32.422
	- Đậu phộng	tấn	16.978
5	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu		
	- Thịt heo	tấn	60.000
	- Thịt trâu	tấn	1.700
	- Thịt bò	tấn	8.500
	- Thịt gia cầm các loại	tấn	53.500
6	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	1.000
7	Sản lượng thủy sản	tấn	13.910
8	Tổng vốn thu hút đầu tư trong và ngoài nước		
	- Đầu tư trong nước	triệu USD	2.100
	- Đầu tư nước ngoài	tỷ đồng	34.500
9	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	doanh nghiệp	2.750
	- Vốn đăng ký	tỷ đồng	40.000
10	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,81
II	**Về giáo dục - đào tạo**		
11	Số giáo viên trên một lớp		
	- Bậc học Tiểu học	giáo viên	1,5 giáo viên/lớp đối với 2 buổi/ngày và 1,2 giáo viên/lớp 1 buổi/ngày
	- Bậc học THCS	"	1,9 giáo viên/lớp
	- Bậc học THPT	"	2,25 giáo viên/lớp
12	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học		
	- Bậc học Tiểu học	học sinh	32

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025
	- Bậc học THCS	"	40
	- Bậc học THPT	"	40
13	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông		
	- Bậc học Tiểu học	%	99
	- Bậc học THCS	"	99
	- Bậc học THPT		80
14	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học		
15	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tiếp tục học lên trung học cơ sở	%	100
16	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập:		
	- Mẫu giáo 5 tuổi	xã, ph, thị trấn	94/94
	- Giáo dục tiểu học	"	94/94
	- Giáo dục trung học cơ sở	"	24/95
17	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học lên trung học phổ thông và trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp		
	- Học lên THPT	%	85
	- Học lên trung cấp nghề	"	10
	- Học lên trung cấp chuyên nghiệp	"	5
18	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông	%	98
19	Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia	trường	33
III	**Chỉ tiêu về y tế**		
20	Tuổi thọ trung bình	tuổi	74,5
21	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		
	- Bảo hiểm xã hội	người	303.300
	- Bảo hiểm y tế	"	1.136.000
	- Bảo hiểm thất nghiệp	"	277.500
22	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90
23	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	95
24	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100
IV	**Chỉ tiêu về văn hóa - thể thao - du lịch**		
25	Tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	36,5
26	Doanh thu du lịch	tỷ đồng	9.000

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025
27	Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	tỷ đồng	130
28	Số lượt khách du lịch nội địa	triệu lượt	18
V	**Giao thông vận tải**		
29	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (doanh thu các bến xe khách)	tỷ đồng	60
30	Vận tải hành khách		
	- Lượng hành khách vận chuyển	triệu lượt	61,7
	- Khối lượng hành khách luân chuyển	tỷ HK.km	3,1
31	Vận tải hàng hóa		
	- Lượng hàng hóa vận chuyển	triệu tấn	283,4
	- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	tỷ tấn.km	42,5
VI	**Về môi trường**		
32	Diện tích rừng hiện có	ha	60.173
33	Diện tích rừng được bảo vệ	ha	60.173
VII	**Công nghệ thông tin và truyền thông**		
34	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	80
35	Số thuê bao truy cập Internet	thuê bao	1.203.470
VIII	**Khoa học và Công nghệ**		
36	Chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị	%	15